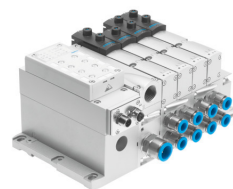


**Van cụm  
VTSA-ASI-NPT**  
Số bộ phận: 555565

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                                     | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Bộ điều khiển điện                                                           | Fieldbus                                                      |
| Hệ thống I/O điện                                                            | có                                                            |
| Van cụm                                                                      | 44                                                            |
| Môi chất vận hành                                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                               | -5 °C...50 °C                                                 |
| Nhiệt độ bảo quản                                                            | -20 °C...60 °C                                                |
| Độ ẩm tương đối                                                              | 0 - 90 %                                                      |
| Mức độ bảo vệ                                                                | IP65                                                          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                         | 0 - không ứng suất ăn mòn                                     |
| Áp suất vận hành                                                             | -0.09 MPA...1 MPA<br>-0.9 bar...10 bar                        |
| Áp suất điều khiển                                                           | 0.3 MPA...1 MPA<br>3 bar...10 bar                             |
| Áp suất vận hành cho van cụm với nguồn cung cấp không khí thí điểm bên trong | 0.3 MPA...1 MPA<br>43.5 psi...145 psi                         |
| Áp suất vận hành cho van cụm với nguồn cung cấp khí điều khiển bên trong     | 3 bar...10 bar                                                |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                          | theo chỉ thị EMC của EU                                       |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                        | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS         |
| Dấu hiệu KC                                                                  | KC-EMV                                                        |
| Giấy phép                                                                    | BIA<br>C-Tick<br>c UL us - Recognized (OL)                    |
| Ghi chú vật liệu                                                             | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Lắp cụm van                                                                  | Kích thước van mô-đun có thể trộn lẫn                         |
| Kiểu vận hành                                                                | điện                                                          |

| Đặc tính                               | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                          | 2x2/2 đóng đơn ổn định<br>2x3 / 2 chiều, monostable, đóng<br>2x3/2 mở ổn định đơn<br>2x3/2 mở/đóng đơn ổn định<br>5/2 lưỡng ổn định<br>5/2 lưỡng ổn chiếm ưu thế<br>5/2 đơn ổn định<br>Chức năng an toàn van 5/2 một coil<br>5/3 thông gió<br>5/3 được thông khí<br>5/3 đóng<br>5/3, cổng nối 2 được thông khí, 4 được thoát khí |
| Cấu trúc xây dựng                      | thanh trượt pitt tông                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Kích thước van                         | 18 mm<br>26 mm<br>42 mm<br>52 mm<br>65 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Kiểm soát cung cấp không khí           | bên ngoài<br>trong                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Dòng chảy danh định bình thường tối đa | 550 l/phút ở 18 mm<br>1100 l/phút ở 26 mm<br>1300 l/phút ở 42 mm<br>2900 l/phút ở 52 mm<br>4000 l/phút ở 65 mm                                                                                                                                                                                                                   |
| Phù hợp với chân không                 | có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Chức năng khí xả                       | thông qua tấm tiết lưu                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén         | 1/8 NPTF<br>1/4 NPT<br>3/8 NPT<br>1/2 NPT<br>1 1/2 NPT<br>QS-6<br>QS-8<br>QS-10<br>QS-12<br>QS-16                                                                                                                                                                                                                                |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu           | Đèn LED                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Điện áp hoạt động danh định DC         | 24 V                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Dao động điện áp cho phép              | +/- 10 %                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |